# **BÀI 3 – SỰ SỐNG THIÊNG LIÊNG**

**Thời gian thực hiện**: 12 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

- Nhận diện và xác định được luận đề và luận điểm trong văn nghị luận

- Nhận biết và xác định được những bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận.

- Xác định được bố cục của văn bản.

- Nhận diện và phân tích được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản.

- Xác định và phân tích được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.

- Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.

- Trình bày được ý kiến của bản thân về một vấn đề xã hội.

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**2. Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào các VB được học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**  
**1.Thiết bị**

**-** Máy tính   
- Ti vi - Phiếu học tập   
- Bảng phụ  **2. Học liệu**

SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Tiết 26,27 TRI THỨC NGỮ VĂN + BỨC THƯ CỦA THỦ LĨNH DA ĐỎ**

( Xi – át – tô )

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* [Em từng nghe, đọc hay đã thuộc những ca khúc, bài thơ nào viết về Trái Đất? Chúng đã gợi lên trong em ấn tượng, cảm xúc gì?](https://vietjack.me/em-tung-nghe-doc-hay-da-thuoc-nhung-ca-khuc-bai-tho-nao-108984.html)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  *-* HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp, HS khác lắng nghe  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, khen ngợi những chia sẻ hay và thú vị của HS.  - Từ chia sẻ của HS, GV tổng kết lại ý kiến và gợi dẫn vào chủ đề bài học |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV giới thiệu:** Bài học gồm hai nội dung: khái quát chủ đề và nêu thể loại các văn bản đọc chính. Với chủ đề Sự sống thiêng liêng, bài học tập trung vào một số vấn đề thiết thực, có ý nghĩa quan trọng: yêu thương con người, yêu thiên nhiên…  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  → Ghi lên bảng |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhiệm vụ 1. Luận đề và luận điểm trong văn nghị luận**  - Xác định được khái niệm luận đề và luận điểm trong văn nghị luận  - Xác định được khái niệm bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận.  - Xác định được khái niệm nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK  *-*GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:  Hãy chọn một bài thơ và trả lời các câu hỏi sau để nhận biết từng yếu tố:  *+ Trình bày khái niệm luận đề và luận điểm.*  *+ Bằng chứng khách quan là gì?*  *+ Thế nào là ý kiến, đánh giá chủ quan?*  *+ Xác định nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **1. Luận đề và luận điểm trong văn nghị luận**  - Luận đề: là vấn đề chính được nêu ra để bàn luận trong văn bản nghị luận.  - Luận điểm: là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề.  Trong văn bản nghị luận, luận đề được thể hiện bằng luận điểm và làm sáng tỏ bằng lí lẽ, dẫn chứng.  **2. Bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận**  - Bằng chứng khách quan là những thông tin khách quan, có thể kiểm chứng được trong thực tế.  - Ý kiến đánh giá chủ quan: là những nhận định, suy nghĩ, phán đoán theo góc nhìn chủ quan của người viết, thường ít có cơ sở kiểm chứng. Do vậy, để giảm tính chủ quan trong đánh giá, giúp ý kiến trở nên đáng tin cậy, người viết cần đưa ra được các bằng chứng khách quan.  - Có thể phân biệt hai khái niệm này dựa vào bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | **Bằng chứng khách quan** | **Ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết** | | Là các thông tin khách quan như: số liệu, thời gian, nơi chốn, con người và sự kiện… | Là các ý kiến chủ quan như: quan điểm cá nhân về một vấn đề đang tranh cãi, dự đoán về tương lai, đánh giá chủ quan về sự việc, hiện tượng; có thể có được diễn đạt bằng các cụm từ như: tôi cho rằng, tôi thấy… hoặc các tính từ thể hiện sự đánh giá chủ quan. | | Dựa trên những thí nghiệm, nghiên cứu, có nguồn đáng tin cậy, có thể xác định đúng, sai dựa vào thực tế. | Dựa trên cảm nhận, cách nhìn, diễn giải của cá nhân; không có cơ sở để kiểm chứng. |   **3. Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt**  - Một số yếu tố Hán Việt thông dụng dưới đây có thể kết hợp với nhau, hoặc kết hợp với các yếu tố khác để tạo thành từ Hán Việt:  + Chinh (đánh dẹp, đi xa): chinh phục, chinh phụ…  + Lạm (quá mức): lạm phát, lạm dụng…  + Tuyệt (dứt, hết…): tuyệt bút, tuyệt nhiên…  + Vô (không, không có): vô bổ, vô tận… |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *- GV yêu cầu HS:* đọc và giới thiệu về tác giả *Xi-át-tô* và tác phẩm Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*.*  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Tác giả***  - Xi – át – tô là một thủ lĩnh người da đỏ.  - Bức thư của thủ lĩnh Xi -át-tơn viết để trả lời Tổng thống thứ 14 của Mỹ Phreng – kiln Pi-ơ-xơ.  ***2. Tác phẩm***  - Xuất xứ: Năm 1854, Tổng thống thứ 15 của nước Mĩ là Phreng -klin Pi-ơ-xơ tô ý muốn mua đất của người da đỏ. Thủ lĩnh Xi-át-tơn đã gửi bức thư này trả lời. Đây là bức thư rất nổi tiếng, từng được nhiều người xem là một trong những văn bản hay nhất về thiên nhiên và môi trường |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhiệm vụ 1.** Xác định được thể loại của bài thơ.  trong bài thơ.  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Xác định thể loại của văn bản.*  *+ Xác định bố cục của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **Nhiệm vụ 2.** Xác định được cách gieo vần, bố cục và mạch cảm xúc  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV đặt câu hỏi:**  - GV yêu cầu HS thảo luận:  *+ Tìm những từ ngữ, câu nói lên thái độ, tình cảm của người da đỏ đối với thiên nhiên, môi trường, đất đai.*  *+ Em cảm nhận được gì về tình cảm của người da đỏ?*  *+ Vì sao họ có thái độ như vậy?*  *+ Em có nhận xét gì về cách nói của tác giả?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **GV chốt lại kiến thức.**  **Nhiệm vụ 3.** Nhận biết và phân tích các biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng.  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Những người da trắng họ đã có hành động bằng cách đối xử như thế nào?*  *+  Em có suy nghĩ gì về cách đối xử của người da trắng với thiên nhiên môi trường?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **Nhiệm vụ 4.** Nhận diện và phân tích được ý nghĩa nội dung và nghệ thuật mà tác giả gửi gắm trong bài thơ.  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi:  +  *Vì sao có thể đánh giá đây là bức thư hay bậc nhất ...?*  *+ Xuất phát từ đâu mà thủ lĩnh da đỏ lại viết bức thư này?*  + *Hãy rút ra nội dung và nghệ thuật văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | ***3. Đọc - kể tóm tắt***  - Thể loại:  thư từ - chính luận - trữ tình.  - Bố cục 3 phần:  + Phần 1: Từ đầu đến "cha ông chúng tôi" - Những điều thiêng liêng trong ký ức người da đỏ.  + Phần 2: Tiếp đến "đều có sự ràng buộc" - Những lo âu của người da đỏ về đất đai, môi trường thiên nhiên sẽ bị tàn phá bởi người da trắng.  + Phần 3: Còn lại - Khẳng định về vai trò của đất đai môi trường đối với cuộc sống.  **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Thái độ ứng xử của con người với thiên nhiên, đất đai, môi trường.***  a. Người da đỏ:  - Đất là thiêng, đất là bà mẹ.  - Chúng tôi không thể nào quên được mảnh đất tươi đẹp này.  - Chúng tôi là một phần tử của mẹ và mẹ cũng là một phần của chúng tôi.  - Hoa là chị, là em ... vũng nước, mõm đá, chú ngựa con ... tất cả đều chung một gia đình.  - Dòng sông, con suối là máu của tổ tiên, là anh em, ...  - Tiếng thì thầm của dòng nước là tiếng nói của cha ông.  - Không khí là quí giá...  - Đất đai giàu có được là do nhiều mạng sống bồi đắp nên.  - Đất là mẹ.  => Quan hệ gắn bó, biết ơn, hài hoà, thân yêu, thiêng liêng mà gần gũi ... như trong một gia đình, như với người anh, chị em ruột thịt, như với bà mẹ hiền minh, vĩ đại.  - Thái độ tình cảm và cách ứng xử rất rõ ràng bởi đó là quan hệ của họ, là mảnh đất bao đời gắn với nòi giống và sâu trong nguồn cội là tinh yêu tha thiết, máu thịt của người da đỏ đối với đất nước, quê hương.  - Cách nói nhắc đi nhắc, nhắc lại trùng điệp để nhấn mạnh, khắc sâu tạo ấn tượng.  b. Người da trắng.  - Muốn dùng tiền bạc, đô la để mua đất.  - Khi chết, thường quên đi đất nước họ sinh ra.  - Không hiểu cách sống của người da đỏ.  - Kẻ xa lạ, trong đêm tối, họ lấy đi từ lòng đất những gì họ cần.  - Kẻ thù, kẻ chinh phục, lấn tới.  - Đối xử với đất và anh em bầu trời như những vật mua được, tước đoạt được và bán đi như những con cừu và những hạt kim cương.  - Thèm khát ngấu nghiến đất đai, để lại đằng sau những bãi hoang mạc.  - Xoá bỏ cuộc sông yên tĩnh, thanh khiết ...  - Huỷ diệt muông thú quý hiếm ...  => Chủ yếu nhằm vào việc khai thác, tận dụng vì lợi nhuận tối đa, bất chấp hậu quả trước mắt hay lâu dài. Đó cũng là mặt trái của chủ nghĩa tư bản đế quốc Mĩ trong quá trình phát triển của nó.  **2. Một bức thư**  Một bức thư về chuyện mua bán đất trở thành một bài văn hay bậc nhất về vấn đề bảo vệ tài nguyên và môi trường.  - Xuất phát điểm của bức thư là tình yêu, quê hương, đất nước.  - Người ta không thấy người viết thư trả lời có bán hay không, lại càng không bàn về chuyện giá cả. Vấn đề được đặt ra chỉ như một giả thiết để t ạo đà, tạo thế cho việc trình bày quan điểm và bộc lộ tình cảm.  - Tác giả không chỉ đề cập đến vấn đề về đất nước mà tất cả những hiện tượng có liên quan tới đất: Thiên nhiên, môi trường - vấn đề toàn trái đất đang quan tâm.  - Phản đối sự huỷ hoại môi trường của người da trắng.  - Xuất phát từ lòng yêu quê hương đát nước, bỗng trở thành một văn bản có giá trị hay nhất về vấn đề bảo vệ thiên nhiên và môi trường.  **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  - Thể hiện được tình cảm gắn bó sâu nặng với quê hương, đất nước.  - Phê phán, châm biếm lối sống và thái độ tình cảm của người da trắng.  - Thái độ cương quyết, cứng rắn.  - Lời văn nhịp nhàng, lôi cuốn thêm khí thế.  ***2. Nghệ thuật***   - Nghệ thuật đối lập.  - Nghệ thuật trùng điệp: nhắc đi, nhắc lại một cách có dụng ý các từ, ngữ, cấu trúc câu ...) |

|  |  |
| --- | --- |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học**  *- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi: Vẽ sơ đồ tư duy trình bày những nội dung chính trong văn bản Bức thư của thủ lĩnh da đỏ.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học**  *- GV yêu cầu HS:* Viết đoạn văn ngắn nói về tình cảm của em đối với nơi em đang sinh sống.  *- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá** |  |

**Tiết 28,29 : THIÊN NHIÊN VÀ HỒN NGƯỜI LÚC SANG THU**

(Vũ Nho)

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HỌAT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV cho HS đọc lại bài thơ “Sang thu” của nhà thơ Hữu Thỉnh đã được học trong chương trình Ngữ văn 7.**  **Yêu cầu:** Ghi lại một vài cảm nhận của em khi đọc bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh (Ngữ văn 7, tập một, Bộ sách Chân trời sáng tạo) trước khi đọc văn bản này.  .**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS trả lời câu hỏi.  **Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.  **\*GV dẫn vào bài:***Vừa rồi, các em đã ghi lại những cảm nhận của mình sau khi đọc bài thơ “Sang thu” của nhà thơ Hữu Thỉnh. Nối tiếp chủ điểm Sự sống thiêng liêng, trong văn bản 2, cô trò chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu một văn bản nghị luận “Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu” nêu lên những cảm nhận tinh tế của tác giả Vũ Nho về bài thơ “Sang thu”* |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* Em đã từng đọc những bài thơ nào nói về mùa thu? Bài thơ mà em thích nhất là gì? Vì sao?  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ.*  *- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Mùa thu là một trong những mùa đẹp nhất trong năm và có rất nhiều thơ ca nói về chủ đề này. Hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bài Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu để cùng phân tích và tìm hiểu vẻ đẹp của mùa thu qua cái nhìn của tác giả Vũ Nho.  *- GV yêu cầu HS:*  + Xác định thể loại của văn bản.  + Xuất xứ của văn bản.  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá | **I. Tìm hiểu chung**  - Thể loại: Văn nghị luận  - Văn bản *Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu* được trích Đi giữa miền thơ của NXB Văn học, năm 1999. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1.** Xác định được luận đề và luận cứ của văn bản.  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Nêu luận đề của văn bản và cơ sở xác định luận đề đó.*  *+ Xác định hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá  **Nhiệm vụ 2.** Nhận diện và phân tích được bằng chứng khách quan và ý kiến đánh giá trong văn bản.  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi**:**  - GV yêu cầu HS thảo luận:  *+ Tìm* ***câu văn thể hiện bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản.***  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá  **Nhiệm vụ 3.** Nhận biết và phân tích được các nét đặc sắc về nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản.  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Hãy rút ra nội dung và nghệ thuật văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá | **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Hệ thống luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng***  - Luận đề: Cảm nhận về thiên nhiên và hồn người lúc sang thu.  - Luận điểm 1: Cảm nhận của tác trong khổ thơ thứ nhất và thứ 2: Bức tranh thiên nhiên mùa thu được miêu tả bằng khứu giác, thị giác, xúc giác.  + Không phải là những nét đặc trưng của trời mây hay sắc vàng của hoa cúc mà bắt đầu là hương ổi – một chữ “phả” đủ gợi hương thơm sánh lại.  + Cảm nhận được “hương ổi”, đã nhận ra “gió se”, mắt lại nhìn thấy sương đang “chùng chình qua ngõ” .  + Thiên nhiên được quan sát rộng lớn hơn, nhiều tầng bậc hơn “sông dềnh dàng” và “chim vội vã”.  - Luận điểm 2: Cảm nhận của tác giả về suy nghĩ, chiêm nghiệm của nhà thơ qua khổ thơ thứ 3.  + Cảm nhận, suy ngẫm về tâm trạng của tác giả khi nhìn cảnh vật trong những ngày đầu thu qua hình ảnh nắng, mưa, sấm.  + Cảm nhận và trả lời cho những chiêm nghiệm và sự từng trải của tác giả qua hình ảnh “Hàng cây đứng tuổi”: hình ảnh gợi cho người đọc nhiều liên tưởng như một đời người trưởng thành rồi già cỗi đi.  ***2. Bằng chứng khách quan và ý kiến chủ quan.***  - Câu văn thể hiện bằng chứng khách quan của người viết là:  + Với các thi nhân, mùa thu lưu dấu của mình trong những vần thơ đượm một vẻ riêng trong trẻo.  - Câu văn thể hiện ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết là:  Đến lượt mình, Hữu Thỉnh lại làm cho mùa thu có thêm hương sắc mới.  **III. Tổng kết**  ***1. Nghệ thuật***  - Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.  - Lựa lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc.  ***2.Nội dung***  - Văn bản là lời cảm nhận sâu sắc của tác giả Vũ Nho đối với thiên nhiên và hồn người trong bài thơ Sang Thu. – Hữu Thỉnh. |

|  |  |
| --- | --- |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi: Em có đồng ý với nhận định: “Nhan đề *Sang thu* vừa bao trùm lại vừa thấm vào từng từ ngữ, cảnh vật” hay không? Vì sao?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS thực hiện yêu cầu của GV  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS trình bày.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **IV. Luyện tập**  Em đồng tình với nhận định: “Nhan đề *Sang thu* vừa bao trùm lại vừa thấm vào từng từ ngữ, cảnh vật”: Nhan đề ấy khái quát lên được toàn bộ cảnh vật và hồn người trong bài thơ đều ở khoảnh khắc giao mùa từ hạ sang thu và trong mỗi khoảnh khắc ấy mỗi từ ngữ, cảnh vật đều toát lên một sắc thái riêng: Hương quả sang thu; ngọn gió sang thu; dòng sông, bầy chim, đám mây bắt đầu sang thu; nắng sang thu, mưa sang thu; sấm, chớp, dâng bão, cây cối cũng sang thu và trong từng cảnh sang thu của thiên nhiên, đất trời đều lồng lộng hồn người sang thu. |

|  |  |
| --- | --- |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  [Kỹ thuật “Viết tích cực”](https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/C%C3%A1c_k%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_d%E1%BA%A1y_h%E1%BB%8Dc_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c/K%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_%E2%80%9CVi%E1%BA%BFt_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c%E2%80%9D), kĩ thuật công não.  **Đề bài:** Viết từ bảy đến chín câu để trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp của thiên nhiên lúc giao mùa.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện viết bài vào vở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đánh giá đoạn văn theo Rubric  (Phụ lục)  - GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần) | **Viết kết nối:**  Viết từ bảy đến chín câu để trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp của thiên nhiên lúc giao mùa.  \* Nội dung đoạn văn: Trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp của thiên nhiên lúc giao mùa.  *+ Em định viết về khoảnh khắc giao mùa nào: hạ sang thu? thu sang đông? đông sang xuân? xuân sang hạ?*  *+ Khoảnh khắc giao mùa đó có những gì đặc biệt: đất trời, cảnh vật, con người? Em sẽ sử dụng những tư ngữ, hình ảnh nào nói về khoảnh khắc đó.*  *+ Cảm nhận của em trước những sự biến đổi về thiên nhiên, con người trong khoảnh khắc giao mùa ấy.*  \* Hình thức đoạn văn: Đảm bảo hình thức đoạn văn, dung lượng 7 – 9 câu, tránh sai sót về chính tả, ngữ pháp. |

**Tiết 30 BÀI CA CÔN SƠN**

**(** Nguyễn Trãi )

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HỌAT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**   “Nhìn hình đoán sự vật”  GV đặt câu hỏi: *Nêu tên các sự vật xuất hiện trong các hình ảnh dưới đây:*    Ảnh 1    Ảnh 2    Ảnh 3    Ảnh 4  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  HS chia sẻ suy nghĩ.  Dự kiến sản phẩm: Ảnh 1: Suối/Dòng suối  Ảnh 2: Đá  Ảnh 3: Cây thông/rừng thông  Ảnh 4: Cây trúc/ rừng trúc  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Nhận xét câu trả lời của HS, kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới:  *Những hình ảnh thiên nhiên suối, đá, rừng thông, rừng trúc ở trên đều xuất hiện trong bài thơ “Bài ca Côn Sơn” của Nguyễn Trãi. Vậy qua lăng kính của nhà thơ, những hình ảnh trên mang những đặc điểm gì đặc biệt? Qua những hình ảnh đó, chúng ta cảm nhận được gì về tình cảm của nhân vật trữ tình?Bài thơ “Bài ca Côn Sơn” có liên quan đến chủ điểm bài học 3 – Sự sống thiêng liêng? Để trả lời được những câu hỏi đó, cô trò chúng ta cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay: Đọc kết nối chủ điểm “Bài ca Côn Sơn” của Nguyễn Trãi.* |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *- GV yêu cầu HS:* đọc và giới thiệu về tác giả *Nguyễn Trãi* và tác phẩm *Bài ca Côn Sơn.*  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Tác giả***  - Tên: Nguyễn Trãi  - Sinh năm: 1380 – 1442  - Hiệu: ức Trai, con của Nguyễn Phi Khanh.  - Quê quán: Chi Ngại – Chí Linh- Hải Dương, sau: Nhị Khê- Thường Tín – Hà Tây.  - Ông là người toàn đức, toàn tài, có công lớn trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh.  - Là người VN đầu tiên được công nhận: danh nhân văn hoá thế giới (1980)  - Cuộc đời: Gặp nhiều thăng trầm, oan ức.  - Là nhà văn lớn của dtộc.  - Các tác phẩm tiêu biểu: Bình Ngô đại cáo, Quốc âm thi tập, ức Trai thi tập, Quân trung từ mệnh tập...  ***2. Tác phẩm***  - Bài thơ Côn Sơn ca được sáng tác trong thời gian ông bị chèn ép phải cáo quan về ở ẩn ở Côn Sơn.  - Bài thơ được viết bằng chữ Hán trong tập “Ức Trai thi tập”. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\*Nhiệm vụ 1.** Nhận diện được thể loại của văn bản.  Xác định và phân tích được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản.  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Xác định thể thơ.*  *+ Xác định cách gieo vần của bài thơ.*  *+ Xác định bố cục của bài thơ.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá  **\*Nhiệm vụ 2.** Xác định được bố cục của văn bản.  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV đặt câu hỏi:  - GV yêu cầu HS thảo luận:  *+ Cảnh Côn Sơn được miêu tả qua những hình ảnh cụ thể nào?*  *+ Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật mà tác giả sử dụng trong bài thơ.*  *+ Qua những chi tiết trên, em có nhận xét gì về cảnh trí Côn Sơn?*  *+ Cho biết trong bài tác giả đã sử dụng đại từ nào? Sử dụng mấy lần? Đại từ đó chỉ ai?*  *+ Nhân vật “ta” đã làm gì ở Côn Sơn?*  *+ Các hoạt động đó đã vẽ nên một chân dung tâm hồn Nguyễn Trãi như thế nào ở Côn Sơn?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá  **\*Nhiệm vụ 3.** Nhận biết và phân tích được sự hoà nhập nên thơ, thanh cao của Nguyễn Trãi với cảnh trí Côn Sơn ở đoạn thơ trong “Bài ca Côn Sơn” và hồn thơ thắm thiết tình quê của Trần Nhân Tông trong bài “Thiên Trường vãn vọng”.  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu học sinh trả lời một số câu hỏi:  *+  Qua những điều đã tìm hiểu ở trên, hình ảnh ta” đặc biệt là tâm hồn “ta” được thể hiện như thế nào?*  *+ Hãy rút ra nội dung và nghệ thuật văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá | ***3. Đọc - kể tóm tắt***  - Thể loại: Thơ lục bát  - Gieo vần: rầm – cầm, êm- nêm  + Chữ cuối câu 6 vần với chữ 6 câu 8  + Chữ cuối câu 8 vần với chữ cuối câu 8 cặp dưới.  - Bố cục: 2 phần  + Phần 1 – Cảnh trí Côn Sơn  + Phần 2 – Cuộc sống và tâm hồn Nguyễn Trãi ở Côn Sơn.  **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Cảnh trí Côn Sơn***  **a. Cảnh trí Côn Sơn**  + Suối chảy rì rầm - đàn cầm  + Đá rêu phơi – chiếu êm  + Thông – như nêm  + Trúc râm  - Nghệ thuật lấy động để tả tĩnh:  - Tiếng suối rì rầm => sự tĩnh lặng, thanh bình  = > Thiên nhiên êm ái, dịu dàng đầm ấm bao dung. Một thiên nhiên khoáng đạt, thanh tĩnh và nên thơ.  ***b. Cảnh sống và tâm hồn Nguyễn Trãi ở Côn Sơn***  - Đại từ “ta” - Có mặt 5 lần - Chỉ Nguyễn Trãi đang sống những ngày nhàn tả, ẩn dật ở Côn Sơn.  + Ta nghe tiếng suối  + Ta ngồi trên đá  + Ta lên  + Ta nằm  + Ta ngâm thơ nhàn  =>Thời gian rỗi rãi một cách bất đắc dĩ. Với tâm hồn thi sĩ đây là dịp để thảnh thơi, thả hồn vào suối, vào thông, vào trúc nơi rừng cao bóng cả.  - Chữ “nhàn”: tâm trạng của NTrãi thực tế chỉ nhàn một nửa, thực chất ông vẫn luôn đau đáu một nỗi niềm muốn đem sức mình phò vua, giúp nước.  - Chữ “nhàn” mang tính tích cực, không hề bất lực, không buông xuôi mà vẫn tha thiết với đời.  => Hiện lên hình ảnh Nguyễn Trãi đang sống trong ung dung, nhàn tả, thả hồn mình vào cảnh trí Côn Sơn, ông giao hoà tuyệt đối với thiên nhiên.  => Thể hiện nhân cách thanh cao, phẩm chất thi sĩ, nghệ sĩ lớn của Nguyễn Trãi.  **III. Tổng kết**  ***1. Nghệ thuật***  - Thể thơ lục bát, giọng điệu nhẹ nhàng.  - So sánh, liên tưởng, lấy động gợi tĩnh  ***2. Nội dung***  - Nhân cách thanh cao, tâm hồn nghệ sĩ của Nguyễn Trãi. |

|  |  |
| --- | --- |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Nhiệm vụ:** **Trò chơi *“Khu vườn trên mây”***  Những chậu hoa đang rất cần được tưới nước để có thể phát triển. Các em hãy tưới nước cho chúng bằng cách cùng nhau trả lời những câu hỏi nhé!  GV mời 4 HS lên bảng chia thành 2 đội chơi. Mỗi câu trả lời đúng sẽ tưới nước được cho 1 chậu cây. Các đội bắt thăm để được chọn câu hỏi đầu tiên. Sau đó, các đội lần lượt chọn câu hỏi. Sau 8 câu hỏi, đội nào tưới được cho nhiều chậu cây hơn sẽ chiến thắng.    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - HS lần lượt trả lời câu hỏi mà GV đưa ra.  **Gợi ý nhóm câu hỏi:**  **Câu 1:** *Bài ca Côn Sơn* được Nguyễn Trãi viết bằng:  A. Chữ Hán  B. Chữ Nôm  C. Chữ quốc ngữ  D. A và B đều đúng  Đáp án: A  **Câu 2:** Địa danh Côn Sơn mà Nguyễn Trãi nhắc đến ở nhan đề bài thơ nằm ở tỉnh nào nước ta:  A. Hải Phòng  B. Hải Dương  C. Bắc Ninh  D. Hưng Yên  Đáp án: B  **Câu 3:** Trong đoạn thơ, tác giả sử dụng chủ yếu biện pháp tu từ nào?  A. Nhân hóa  B. Ẩn dụ  C. So sánh  D. Tất cả đáp án trên  Đáp án: C  **Câu 4:** Nhân vật “ta” trong đoạn trích trên có thể là ai?  A. Người đọc  B. Người sống ở Côn Sơn  C. Nguyễn Trãi  D. Là tất cả mọi người  Đáp án: C  **Câu 5:** Trong đoạn trích,tác giả so sánh tiếng gì với tiếng đàn cầm bên tai?  A. Tiếng chim hót líu lo  B. Tiếng lá cây xào xạc  C. Tiếng ve kêu râm ran  D. Tiếng suối chảy rì rầm  Đáp án: D  **Câu 6:** Trong đoạn trích, tác giả ví điều gì giống như chiếu êm?  A. Thảm cỏ xanh mướt  B. Lá cây rừng  C. Đá rêu phơi  D. Bóng trúc râm  Đáp án: C  **Câu 7:** Hình ảnh và tâm hồn nhân vật “ta” hiện lên qua đoạn thơ:  A. Thảnh thơi, nhàn nhã  B. Yêu quý, hòa hợp tự nhiên  C. Nhạy cảm với thiên nhiên, vạn vật  D. Tất cả các đáp án trên  Đáp án: D  **Câu 8:** Với đoạn thơ, chúng ta có thể nhận xét Nguyễn Trãi là:  A. Một nhà văn chính luận kiệt xuất  B. Một nhà thơ trữ tình sâu sắc  C. Một nhà thơ lãng mạn  D. Một nhà thơ trào phúng  Đáp án: B  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Nhiệm vụ:** Viết tích cực  **Yêu cầu HS:** Em hãy viết đoạn văn khoảng 7 – 8 câu trình bày cảm nhận của em về hình ảnh thiên nhiên trong đoạn thơ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh xác định yêu cầu của đề, định hướng cách làm  bài, rồi viết đoạn văn.  - Giáo viên gợi ý học sinh về yêu cầu đoạn văn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - Học sinh báo cáo theo từng bước: Xác định đề - tìm ý- viết đoạn văn  - Trình bày đoạn văn hoàn chỉnh.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Học sinh đánh giá điểm bài viết theo **Rubrics (Phụ lục)**  **\* Rubrics đánh giá đoạn văn:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Mô tả tiêu chí** | **Điểm** | | **Hình thức** | - Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ) | **1** | | - Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng  của đoạn văn | **0** | | **Nội dung** | - Giới thiệu bức tranh thiên nhiên trong bài | **0,5** | | - Phân tích, cảm nhận về các hình ảnh thiên nhiên: suối chảy rì rầm, đá rêu phơi, thông mọc như nêm, bóng trúc râm và hình ảnh nhân vật “ta” gắn liền với các hình ảnh thiên nhiên ấy. | **3** | | - Các biện pháp tu từ thể hiện hình ảnh thiên nhiên: điệp từ, so sánh | **3** | | Hình ảnh và tâm hồn nhân vật “ta” trong đoạn trích | **1** | | **Chính tả, ngữ pháp** | Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | **0,5** | | **Sáng tạo** | Thể hiện bài học nhận thức sâu sắc; có mối liên hệ so sánh với đời sống hiện tại. | **1,0** | |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 31-32** | **ÔN TẬP GIỮA KÌ I** |

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Để có thể thực hiện một bài kiểm tra định kì, các em cần vận dụng năng lực và phẩm chất gì?  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*  .**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS trả lời câu hỏi.  **Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS chia sẻ suy nghĩ  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.  ***GV dẫn vào bài mới*** | \* Năng lực và phẩm chất:  - Năng lực đọc hiểu văn bản vả năng lực thực hành viết văn bản;  - Phẩm chất phù hợp với các chủ đề đã học. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **CUỘC THI: ĐƯỜNG LÊN ĐỈNH OLYMPIA**  **C:\Users\TBC\Desktop\1-2.jpg**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV chia lớp làm 4 đội thi**. Mỗi đội được phát một bảng ghi và 1 bút dạ. Thành viên các đội phải tự chuẩn bị giấy bút để thảo luận. Mỗi đội sẽ cử một đội trưởng giơ đáp án.  - **Người dẫn chương trình kiêm thư kí:** Giáo viên.  (GV có thể cử một học sinh trong lớp làm thư kí)  - **GV phổ biến thể lệ cuộc thi như sau:** Cuộc thi gồm 4 phần:  + Phần 1: Khởi động gồm 10 câu hỏi chọn đáp án Đúng hoặc Sai?  Mỗi câu trả lời đúng sẽ được 1,0 điểm.  + Phần 2: Vượt chướng ngại vật:  Gồm 10 câu hỏi trắc nghiệm, mỗi câu trả lời đúng sẽ được 2,0 điểm.  + Phần 3. Tăng tốc: 10 câu hỏi điền khuyết, mỗi câu trả lời đúng sẽ được 4,0 điểm.  + Phần 4. Về đích: Gồm 01 câu hỏi tự luận với số điểm tối đa là 30,0 điểm.  Đội nào có số điểm cao nhất sẽ là đội thắng cuộc và giành được vòng nguyệt quế của cuộc thi.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  **2. Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ và báo cáo, thảo luận**  - HS tham gia trò chơi: Các đội chính thức bước vào các phần thi.  - GV dẫn chương trình, quan sát, khích lệ.  **Phần 1. KHỞI ĐỘNG**  **\*Luật chơi:** Phần này gồm 10 câu hỏi, thí sinh chọn đáp án đúng hoặc sai. Mỗi câu có thời gian suy nghĩ và trả lời là 10 giây. Hết 10 giây, đai diện các nhóm giơ bảng có đáp án: Đúng hoặc Sai  **\*Hệ thống câu hỏi:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Nội dung câu hỏi** | **Đáp án** | | 1 | Bài thơ *Trong lời mẹ hát* của Trương Nam Hương được viết theo thể thơ sáu chữ. Đúng hay sai? | Đúng | | 2 | Bài thơ *Chái bếp* của Lý Hữu Lương được gợi cảm hứng từ tiếng hò vọng vào nhà tù. Đúng hay sai? | Sai  (Đáp án đúng: Bài *Nhớ đồng* của Tố Hữu) | | 3 | *Từ tượng thanh* là từ mô phỏng âm thanh trong thực tế. Đúng hay sai? | Đúng | | 4 | *Dập dờn* là từ tượng hình. Đúng hay sai? | Đúng | | 5 | Trong văn bản nghị luận có văn bản nghị luận xã hội và văn bản nghị luận văn học. Đúng hay sai? | Đúng | | 6 | Đoạn văn diễn dịch là đoạn văn có câu chủ đề đứng ở đầu câu. Đúng hay sai? | Đúng | | 7 | Đoạn văn song song là đoạn văn có câu chủ đề nằm ở đầu và cuối đoạn văn. Đúng hay sai? | Sai  (không có câu chủ đề, các câu triển khai nội dung song song nhau) | | 8 | Cấu trúc của văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên bắt buộc có 3 phần: mở đầu, nội dung, kết thúc. Đúng hay sai? | Sai  (Phần kết thúc không bắt buộc) | | 9 | Quy định của thể thơ 6 chữ là sử dụng vần liền, thể thơ 7 chữ là sử dụng vần cách. Đúng hay sai? | Sai  (Thể thơ 6 chữ, 7 chữ đều có thể sử dụng vần liền, vần cách) | | 10 | Văn bản *Bức thư của thũ lĩnh da đỏ* thuộc thể loại văn bản thông tin. Đúng hay sai? | Sai  (Văn bản *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ* thuộc thể loại văn nghị luận) |   **Phần 2. VƯỢT CHƯỚNG NGẠI VẬT**  **\*Luật chơi:** Phần này có 10 câu hỏi trắc nghiệm. Thời gian suy nghĩ và trả lời là 15 giây. Mỗi câu trả lời đúng sẽ được 2,0 điểm.  **\*Hệ thống câu hỏi:**  **Câu 1.** Đâu **không** phải tên một bài thơ thuộc thể loại thơ 6 chữ, bảy chữ?   1. Trong lời mẹ hát 2. Nhớ đồng 3. Mưa xuân (II) 4. **Bài ca Côn Sơn**   **Câu 2.** Đâu **không** phải đặc điểm của văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên?   1. Là văn bản được viết để lí giải nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên. 2. **Thường sử dụng từ ngữ đa dạng, bao gồm cả từ ngữ trong lời ăn tiếng nói hàng ngày.** 3. Có thể trình bày theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng của đối tượng, cấu trúc so sánh và đối chiếu. 4. Cấu trúc thường gồm 3 phần: mở đầu, nội dung, kết thúc.   **Câu 3.** Sa pô trong văn bản thông tin là:   1. Nhan đề B. **Đoạn mở đầu**   C. Phần cước chú D. Đoạn kết thúc  **Câu 4.** Tác giả bài thơ *Chái bếp* là người dân tộc nào?   1. Tày **C. Dao** 2. Nùng D. Kinh   **Câu 5.** Trong các từ sau, từ nào ***không phải***là từ Hán Việt?   1. Tuyệt sắc B. Tuyệt tình 2. **Tuyệt vời** D. Tuyệt mật   **Câu 6**. Trong khổ thơ sau, tác giả gieo vần gì?  *Con gặp trong lời mẹ hát*  *Cánh cò trắng, dải đồng xanh*  *Con yêu màu vàng hoa mướp*  *“Con gà cục tác lá chanh.”*   1. Vần chân, vần liền 2. **Vần chân, vần cách** 3. Vần lưng, vần cách 4. Vần lưng, vần liền   **Câu 7.** “Gương mặt thân yêu” được gợi lên từ văn bản “Những chiếc lá thơm tho” của Trương Gia Hòa là:  A. Người ông **B. Người bà**  C. Người bố D. Người mẹ  **Câu 8.** Trong các văn bản sau, văn bản nào ***không phải*** văn bản thông tin?  A. Bạn biết gì về sóng thần?  B. Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng  C. Những điều bí ẩn trong tập tính di cư của các loài chim  **D. Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI**  **Câu 9: Đây là mô hình của kiểu đoạn văn nào?**    A. Đoạn văn diễn dịch  **B. Đoạn văn quy nạp**  C. Đoạn văn song song  D. Đoạn văn phối hợp  **Câu 10.** Chọn từ thích hợp điền vào dấu “...”: ... là những thông tin khách quan, có thể kiểm chứng được trong thực tế:  A. Thông tin cơ bản  B. Thông tin chi tiết  **C. Bằng chứng khách quan**  D. Ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết  **PHẦN 3. TĂNG TỐC**  **\*Luật chơi:** Phần này gồm 10 câu hỏi điền khuyết. Thời gian suy nghĩ và đưa ra đáp án là 30 giây. Mỗi câu điền đúng (vào dấu ba chấm) sẽ được 4,0 điểm. Nếu câu có hai chỗ trống, điền đúng 1 chỗ trống sẽ được 2,0 điểm.  **\*Hệ thống câu hỏi:**   |  |  | | --- | --- | | Câu hỏi | Đáp án | | **Câu 1**. Trong văn bản nghị luận, ... (1) là vấn đề chính được nêu ra để bàn luận; ... (2) là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về vấn đề chính được bàn luận trong văn bản. | 1. Luận đề 2. Luận điểm | | **Câu 2**. Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên thuộc kiểu văn bản... (1), được viết để cung cấp thông tin cho người đọc về ... (2) xuất hiện và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên. | 1. Thông tin 2. Nguyên nhân | | **Câu 3.** Bài thơ *“Trong lời mẹ hát”* là bài thơ thơ nổi tiếng của nhà thơ... (1) viết về đề tài...(2). | (1) Trương Nam Hương  (2) Tình mẫu tử/tình mẹ con | | **Câu 4.** ... (1) là đơn vị tạo nên văn bản, thường do nhiều câu tạo thành, bắt đầu từ chữ hoa lùi đầu dòng và kết thúc bằng...(2) | 1. Đoạn văn 2. Dấu ngắt đoạn | | **Câu 5.** Trong văn bản thông tin, có thể sử dụng kết hợp phương tiện...(1) và phương tiện...(2) | 1. Ngôn ngữ/phi ngôn ngữ 2. Phi ngôn ngữ/ngôn ngữ | | **Câu 6.** *Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu* là văn bản nghị luận... | Văn học | | **Câu 7.** ... là trạng thái tình cảm mãnh liệt, thường gắn với tư tưởng và đánh giá nhất định được thể hiện xuyên suốt tác phẩm, tác động đến cảm xúc của người đọc. | Cảm hứng chủ đạo | | **Câu 8**. ... (1) là từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ của sự vật....(2) là từ mô phỏng âm thanh trong thực tế. | 1. Từ tượng hình 2. Từ tượng thanh | | **Câu 9**. Quy trình làm một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ gồm các bước: trước khi viết -> ... (1) -> ... (2) -> Chỉnh sửa và chia sẻ. | 1. Tìm ý tưởng cho bài thơ 2. Làm thơ | | **Câu 10.** *Nhớ đồng* của tác giả ... (1), thuộc thể thơ... | 1. Tố Hữu 2. bảy chữ |   **PHẦN 4. VỀ ĐÍCH**  **\*Luật chơi:** Phần thi này sẽ thử tài hùng biện của các nhóm.  - GV đưa ra 01 chủ đề thuyết trình, các nhóm suy nghĩ, thảo luận trong thời gian 5 phút và đưa ra dàn ý của bài thuyết trình.  - Các nhóm lần lượt cử đại diện lên, thuyết trình về sản phẩm học tập của nhóm mình.  - Điểm tối đa cho phần thi hùng biện ở phần Về đích này là 30 điểm.  **\*Hệ thống câu hỏi: Các bạn sẽ thuyết trình về một hiện tượng tự nhiên mà mình cho là thú vị nhất để chúng ta cùng được khám phá thêm tri thức về những bí ẩn độc đáo của thế giới tự nhiên nhé. Hãy cùng nhau trở thành “Những nhà khoa học trong tương lai! (Có thể giao đề tài trước cho HS chuẩn bị ở nhà)**  **Gợi ý dàn ý**  **I. Mở đầu**: Nêu tên hiện tượng tự nhiên. Giới thiệu khái quát hiện tượng tự nhiên.  (Nên lựa chọn cách dẫn dắt vấn đề gián tiếp, ấn tượng – có thể là hình ảnh, video, trò chơi nho nhỏ,...)  **II. Nội dung chính**  - Giải thích nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.  - Trình bày sự việc cuối/kết quả của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung đã giải thích.  (Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ trong bài thuyết trình để bài thuyết trình mang tính thuyết phục hơn).  **III. Kết thúc:**  Khái quát và liên hệ thực tế.  \*GV đưa ra Rubrics đánh giá bài thuyết trình phần Về đích của các nhóm:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Rubrics đánh giá bài thuyết trình giải thích một hiện tượng tự nhiên** | | | | | **Tổ…………….**  **Người nhận xét:**………………………………………. | | | | | **TIÊU CHÍ** | **Chưa đạt** | **Đạt** | **Tốt** | | 1. Nội dung trình bày | Nôi dung sơ sài, chưa có nhiều thông tin để làm sáng tỏ hiện tượng tự nhiên cho người nghe hiểu. | Có đủ thông tin để người nghe hiểu được nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên. | Nội dung đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục, đưa ra nhiều thông tin mới mẻ, thú vị. | | 2. Hình thức trình bày | Bố cục chưa rõ ràng, lặp ý. Chưa có các công cụ, thiết bị hỗ trợ. | Bố cục rõ ràng, tuy nhiên chưa tạo được điểm nhấn khi trình bày. Sử dụng công cụ, thiết bị tương đối phù hợp. | Bố cục rõ ràng, có sáng tạo, có điểm nhấn khi trình bày. Sử dụng công cụ, thiết bị hỗ trợ phù hợp. | | 3. Tác phong, thái độ trình bày | Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần; còn thiếu nghiêm túc/ điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu; điệu bộ tương đối tự tin, mắt đôi lúc còn chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung trình bày. | Nói to, truyền cảm; phong thái tự tin; tương tác, giao lưu tốt với người nghe. | | 4. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói ấn tượng. |   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS báo cáo sản phẩm và trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Thư kí tổng hợp số điểm của từng đội và công bố đội có số điểm cao nhất.  - Khen ngợi, trao vòng nguyệt quế (có thể tự làm) và trao quà cho đội thắng cuộc.  - Các đội còn lại cũng nhận quà từ GV (theo thứ tự Nhì, Ba, KK)  - Thời gian còn lại, GV có thể nhấn mạnh một số nội dung HS cần nắm vững trước khi kiểm tra, đánh giá giữa HKI. |  |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV tổ chức Hoạt động nhóm**  GV yêu cầu HS: Hoàn thành kiến thức ôn tập .  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu GV giao.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS. |  |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Phần I. Đọc hiểu**  **Đọc bài thơ sau:**  *Quê hương là gì hở mẹ Mà cô giáo dạy phải yêu Quê hương là gì hở mẹ Ai đi xa cũng nhớ nhiều  Quê hương là chùm khế ngọt Cho con trèo hái mỗi ngày Quê hương là đường đi học Con về rợp bướm vàng bay  Quê hương là con diều biếc Tuổi thơ con thả trên đồng Quê hương là con đò nhỏ Êm đềm khua nước ven sông  Quê hương là cầu tre nhỏ Mẹ về nón lá nghiêng che Là hương hoa đồng cỏ nội Bay trong giấc ngủ đêm hè  Quê hương là vàng hoa bí Là hồng tím giậu mồng tơi Là đỏ đôi bờ dâm bụt Màu hoa sen trắng tinh khôi  Quê hương mỗi người chỉ một Như là chỉ một mẹ thôi Quê hương nếu ai không nhớ...*  *(*Đỗ Trung Quân, *Bài học đầu cho con,* In trong *Cỏ hoa cần gặp,* 1991) lạc trong Thi Viện vì có nội dung quá đồ sộ?  **Lựa chọn đáp án đúng:**  **Câu 1. Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?**  A.Thể thơ 5 chữ B. Thể thơ 6 chữ  C. Thể thơ lục bát D. Thể thơ tự do  **Câu 2**. **Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:**  A. Nghị luận. B. Tự sự.  C. Miêu tả. D. Biểu cảm.  **Câu 3. Đối tượng trữ tình được tác giả hướng đến trong bài thơ là:**  A. Quê hương B. Mẹ  C. Chùm khế ngọt D. Con diều biếc  **Câu 4.** **Biện pháp tu từ chính được sử dụng trong văn bản trên là**:  A. Nhân hóa B. So sánh  C. Hoán dụ D. Ẩn dụ  **Câu 5. Quê hương được tác giả miêu tả qua những hình ảnh như thế nào?**  A. Thơ mộng, trữ tình B. Bình dị, gần gũi  C. Khắc nghiệt, dữ dội D. Tráng lệ, kì vĩ  **Câu 6:** **Câu thơ “Quê hương là con diều biếc” gợi về**:  A. Tình cảm gia đình B. Kí ức tuổi thơ  C. Tình yêu đôi lứa D. Nỗi nhớ quê hương  **Câu 7**: **Hình ảnh nào *không* thuộc về quê hương trong bài thơ *Bài học đầu cho con:***  A. Chùm khế ngọt B. Đường đi học  B. Cầu tre nhỏ D. Con thuyền nhỏ  **Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:**  **Câu 8.**  Nêu tác dụng của phép điệp ngữ được sử dụng trong đoạn thơ sau:  *Quê hương là gì hả mẹ Mà cô giáo dạy phải yêu? Quê hương là gì hả mẹ Ai đi xa cũng nhớ nhiều?*  **Câu 9.** Tìm và phân tích ý nghĩa của những hình ảnh diễn tả vẻ đẹp quê hương trong đoạn thơ sau:  *Quê hương là vàng hoa bí  Là hồng tím giậu mồng tơi*  *Là đỏ đôi bờ dâm bụt  Màu hoa sen trắng tinh khôi*  **Câu 10.** Từ nội dung văn bản ở phần Đọc hiểu hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) trình bày suy nghĩ của em về sự cần thiết phải gắn bó với quê hương xứ sở.  **Phần II. Viết**  Em hãy viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên có tác động lớn đến đời sống con người.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, trình bày những gì đã học được từ quá nghe của bản thân và những gì học hỏi được từ bạn.( Thực hiện ở nhà)  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 HS lên kiểm phiếu để nêu bài tóm tắt được bình chọn là đạt nhất của lớp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS. |  |

**IV. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**1. Bài vừa học:**

- Ôn tập, nắm được các nội dung đã ôn tập.

- Hoàn thành nội dung trong bài ôn tập của mình.

**2. Bài sắp học: KIỂM TRA GIỮA KÌ**

- Ôn lại toàn bộ nội dung đã ôn tập để kiểm tra.

- Chuẩn bị giấy kiểm tra, bút…

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 33,34** | **KIỂM TRA GIỮA KÌ I**  ***Thời gian thực hiện: 2 tiết*** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực:**

**a. Năng lực chung**

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

- Năng lực đọc và tổng hợp thông tin một cách khoa học, hợp lí.

- Năng lực trình bày những suy nghĩ, tình cảm của mình trước vấn đề đặt ra

- Vận dụng kiến thức đọc hiểu về thể loại thơ sáu chữ, bảy chữ và kiến thức tiếng Việt trả lời câu hỏi từ 1-5 (phần I)

*-* Viết được bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên..

**2. Phẩm chất**

**-** Học bài nghiêm túc chuẩn bị kiểm tra

- Có ý thức nghiêm túc, tự giác, tích cực trong ôn tập, vận dụng kiến thức, rèn luyện kĩ năng

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

+ Học liệu: Câu hỏi kiểm tra**.**

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

**-** Các câu hỏi phần nội dung ôn tập.

- Giấy, viết

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1:** Nêu yêu cầu tiết học và nhắc nhở tính tự giác, nghiêm túc, tích cực làm bài.

**Hoạt động 2:** Giao đề cho HS

**Hoạt động 3:** Quan sát HS làm bài

**Hoạt động 4:** Thu bài, nhận xét tiết học*.*

- Nhận xét về giờ làm bài ở tiết học tiếp theo

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản thơ bảy chữ | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 0 | 2 |  | 60 |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | 15 | 10 | 25 | 10 | 0 | 30 | 0 | 1.0 | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **25%** | | **35%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8- THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản thơ bảy chữ | **Nhận biết:**  Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ bảy chữ như: bố cục, vần, nhịp, đối.  - Nhận biết được đặc điểm của biện pháp tu từ đảo ngữ từ tượng hình, từ tượng thanh.  **Thông hiểu**:  - Hiểu được cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản.  - Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh.  **Vận dụng:**  - Biết trân quý, trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống | **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài nghị luận về một hiện tượng đời sống.  - Xác định được bố cục bài văn, văn bản cần nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Trình bày rõ ràng các khía cạnh của văn bản.  - Nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.  **Vận dụng:**  **-** Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân về những trải nghiệm văn học để viết được bài văn nghị luận văn học hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của để.  - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân.  **Vận dụng cao**:  - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để làm nổi bật ý của bản thân với vấn đề cần bàn luận.  - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***25*** | ***35*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**Tiết 35-36 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV tổ chức trò chơi NHÌN HÌNH ĐOÁN CHỮ**  Mẫu tử  Quốc kì  Phụ tử  Bạch mã  Thảo nguyên  Sơn lâm  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS trả lời câu hỏi.  **Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS chia sẻ suy nghĩ  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.  **\*GV dẫn vào bài*:*** *Những từ khóa mà các em tìm được rất chính xác. Đó là những từ Hán Việt. Năm lớp 6,7 chúng ta đã được làm quen với đơn vị kiến thức này, hôm nay chúng ta sẽ vào bài học ngày hôm nay qua tiết “Thực hành tiếng Việt” để hiểu thêm nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có chứa yếu tố Hán Việt đó.* |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \*Tìm hiểu về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV tổ chức hoạt động nhóm**  - Đọc lại bảng Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt và nghĩa của những từ có chứa yếu tố Hán việt ở phần *Tri thức Ngữ văn tr. 57, 58, SGK.*  - Yêu cầu HS gấp sgk lại, thảo luận theo nhóm bàn, hoàn thành **PHT 01, 02 (Phụ lục)**  + Các bàn ở dãy 1: **PHT 01- Nối cột A với cột B sao cho phù hợp**  + Các bàn ở dãy 2: **PHT 02- Nối cột A với cột B sao cho phù hợp**  ***\** PHT 01:** Nối cột A (Một số yếu tố Hán Việt) với cột B (Nghĩa của yếu tố Hán Việt) sao cho phù hợp:   |  |  | | --- | --- | | **CỘT A** | **CỘT B** | | * + 1. Chinh | a. không, không có | | * + 1. Lạm | b. đánh dẹp; đi xa | | * + 1. Tuyệt | c. dứt, hết; tột độ, hết mức | | * + 1. Vô | d. quá mức |   **=> Dự kiến sản phẩm: 1 – b; 2 – d; 3 – c; 4 – a**  **\* PHT 02:** Nối cột A (Từ Hán Việt) với cột B (Nghĩa của từ Hán Việt) sao cho phù hợp:   |  |  | | --- | --- | | **CỘT A** | **CỘT B** | | 1. chinh phục | a. không có lợi ích | | 2. chinh phu | b. tác phẩm hay, đẹp hết mức | | 3. lạm phát | c. sử dụng quá mức, vượt quá quyền hạn | | 4. lạm dụng | d. không bao giờ hết, không bao giờ cạn, không có điểm kết thúc | | 5. tuyệt bút | e. một cách tuyệt đối, hoàn toàn | | 6. tuyệt nhiên | f. dùng vũ lực bắt nước khác, dân tộc khác phải khuất phục | | 7. vô bổ | g. người chồng đi đánh giặc nơi xa | | 8. vô tận | h. phát hành quá nhiều tiền, khiến đồng tiền bị sụt giá |   **=> Dự kiến sản phẩm: 1 – f; 2 – g; 3 – h; 4 – c; 5 – b; 6 – e; 7 – a; 8 - d**  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận nhóm và hoàn thành PHT  **Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**:  - Đại diện của một số nhóm HS trình bày kết quả.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Giáo viên nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức. | **I. Tri thức tiếng Việt**  **Tìm hiểu nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.**  Đọc lại bảng Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt và nghĩa của những từ có chứa yếu tố Hán việt ở phần *Tri*  *thức Ngữ văn tr. 57, 58, SGK* |

|  |  |
| --- | --- |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Hướng dẫn HS thực hành BT1, BT2, BT3:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **Trò chơi “Ai là nhà thông thái?”**  - Chia lớp thành 2 đội chơi:  Phần chơi của mỗi đội gồm 3 vòng:  **Vòng 1: Tìm thêm từ Hán Việt (BT1, Sgk, Tr.66)**  + Mỗi đội chuẩn bị một tờ A0.  + Các đội hoàn thành các BT1 trong thời gian 7 phút.  + Sau 7 phút, GV chữa bài; Đội nào tìm được nhiều từ đúng hơn sẽ giành chiến thắng.  **Vòng 2: Đặt câu với từ Hán Việt (BT2, Sgk, tr.67)**  + Các đội tiếp tục viết đáp án vào tờ A0 trong 5 phút.  + Sau 5 phút, GV chữa bài: Đội nào đặt nhiều câu đúng ngữ pháp, phù hợp về nghĩa hơn sẽ chiến thắng.  **Vòng 3: Giải nghĩa từ Hán Việt (BT3, Sgk, tr.67)**  + Các đội tiếp tục viết đáp án vào tờ A0 trong 7 phút.  + Sau 7 phút, GV chữa bài: Đội nào giải nghĩa đúng được nhiều từ hơn sẽ chiến thắng.  Sau 3 vòng, GV tổng hợp kết quả, đội nào có nhiều vòng thi chiến thắng hơn sẽ giành chiến thắng chung cuộc.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận nhóm và hoàn thành PHT  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**:  - HS phản hồi câu trả lời.  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV chốt, đồng thời có thể vấn đáp HS làm rõ thêm đáp án hoặc mở rộng kiến thức (nếu có).  **Vòng 1:** Xác định cấu trúc của đoạn văn và nêu câu chủ đề (nếu có) **(BT1).**  **Vòng 2:** Sắp xếp lại các câu để tạo thành đoạn văn mạch lạc. Cho biết đoạn văn vừa sắp xếp thuộc kiểu câu nào? **(BT2)**  **Vòng 3:** Viết câu chủ đề cho các đoạn văn. **(BT3)**  **\*Hướng dẫn HS hoàn thành BT4, BT5**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  HS hoạt động cặp đôi, hoàn thành BT4, BT5.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu   * GV hỗ trợ, khuyến khích.   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**:  GV gọi 1 – 2 HS đọc đoạn văn.  HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần). | **II.Thực hành**  **1. Bài tập 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Yếu tố Hán Việt** | **Từ Hán Việt** | | 1 | vô (không) | vô tình, vô nghĩa, vô tư, vô tâm, vô cùng, vô tri, vô hình, vô hạn,... | | 2 | hữu (có) | hữu tình, hữu duyên, hữu hình, hữu hạn,... | | 3 | hữu (bạn) | thân hữu, bằng hữu, cố hữu, giao hữu,... | | 4 | lạm (quá mức) | lạm thu, lạm quyền, | | 5 | tuyệt (tột độ, hết mức | tuyệt sắc, tuyệt mĩ, tuyệt trí, tuyệt dũng, tuyệt nghĩa,... | | 6 | tuyệt (dứt, hết) | tuyệt giao, tuyệt thực, tuyệt tự, tuyệt tình, đoạn tuyệt,... | | 7 | gia (thêm vào) | gia vị, gia hạn, gia tăng,... | | 8 | gia (nhà) | gia phong, gia sản, gia trưởng,... | | 9 | chinh (đánh dẹp) | chinh phạt, chinh chiến,... | | 10 | chinh (đi xa) | chinh nhân, chinh phụ,... |   **2. Bài tập 2: Đặt ba câu với 3 từ Hán Việt đa tìm được ở BT1:**  (1) Anh ấy là người sống *vô tư* nên được mọi người rất yêu quý.  (2) Ông ấy đã để lại toàn bộ gia sản của mình cho quỹ từ thiện của địa phương.  (3) Trận giao hữu bóng đá cuối tuần này thể hiện sự hữu nghị giữa hai nước.  **3. Bài tập 3: Giải thích nghĩa của từ Hán Việt được in đậm trong các câu**  a.  *vô hình:* không nhìn thấy hình thể (nhưng lại thấy có tác động)  *hữu hình* (trái nghĩa với *“vô hình”)*: có nhìn thấy hình thể.  b.  *Thâm trầm:* sâu sắc và kín đáo, không dễ dàng để tâm tư, tình cảm cũng như ý nghĩ bộc lộ ra ngoài.  *Điềm đạm:* luôn từ tốn, nhẹ nhàng, không gắt gỏng, nóng nảy.  *Khẩn trương:* hết sức tranh thủ thời gian, tập trung tranh thủ sự chú ý và sức lực, nhằm mau chóng đạt kết quả.   * 1. *tuyệt:* dứt, không còn gì   *chủng:* loài (động vật, thực vật)  *=> tuyệt chủng:* bị mất hẳn nòi giống  c. *đồng:* cùng  *bào:* cái bọc  => *đồng bào*: dùng để chỉ những người cùng một giống nòi, một dân tộc, một Tổ quốc với mình, với hàm ý có quan hệ thân thiết như ruột thịt.  **4. Bài tập 4**  Theo từ điển tiếng Việt (Hoàng Phê chủ biên), tính từ “hoang dã” có nghĩa là “có tính chất tự nhiên của núi rừng, xa đời sống của xã hội loài người” , còn tính từ “mông muội” có 2 nghĩa: 1. “thuộc về giai đoạn hình thành và phát triển đầu tiên của xã hội nguyên thủy, khi đời sống con người chưa khác đời sống thú vật bao nhiêu, con người chủ yếu sống bằng hái lượm”; 2. “ngu dại, tối tăm”. Trong ngữ liệu đã cho, nếu dùng từ “mông muội” thì từ này sẽ được dùng với nghĩa thứ hai ‘ngu dại, tối tăm” (*kẻ mông muội)*. Khi chúng ta thay từ “hoang dã” bằng từ “mông muội”, ý nghĩa của đoạn văn sẽ thay đổi vì mông muội với nghĩa thứ hai “ngu dại, tối tăm” mang sắc thái nghĩa tiêu cực, còn “hoang dã” mang sắc thái trung hòa.  **5. Bài tập 5: Phân biệt nghĩa của các cặp từ và cho ví dụ minh họa**  a. *vô tư/vô ý thức*  *- vô tư:* không lo nghĩ gì  Ví dụ: *Tuổi học trò là lứa tuổi hồn nhiên,* ***vô tư*** *nhất của con người.*  *- vô ý thức:* không có chủ định, không nhận biết rõ việc mình làm là không đúng, là sai trái.  Ví dụ: *Xả rác bừa bãi nơi công cộng là hành vi* ***vô ý thức****.*  b. *chinh phu/chinh phụ*  - *chinh phu*: người đàn ông đi đánh giặc nơi xa  Ví dụ: *Hình ảnh người* ***chinh phu*** *trong tác phẩm này chỉ xuất hiện trong nỗi nhớ của người* ***chinh phụ.***  ***-*** *chinh phụ:* vợ của người đàn ông đi đánh giặc nơi xa.  Ví dụ: *“****Chinh phụ ngâm”*** *là khúc ngâm diễn tả mọi cung bậc nỗi buồn của người vợ có chồng đi chinh chiến nơi xa* |

|  |  |
| --- | --- |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV cho HS thảo luận bàn đôi.  **Tìm và giải nghĩa ngắn gọn các từ Hán Việt trong đoạn trích.**  Trước xe quân tử tạm ngồi,  “Xin cho tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa:  “Chút tôi liễu yếu đào thơ,  Giữa đường lâm phải bụi dơ đã phần.  Hà Khê qua đó cũng gần,  Xin theo cùng thiếp đền ơn cho chàng.  Gặp đây đương lúc giữa đàng,  Của tiền không có, bạc vàng cũng không.  Ngẫm câu báo đức thù công,  Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng ngươi.”  Vân Tiên nghe nói liền cười:  “Làm ơn há dễ trông người trả ơn”.  Này đà rõ đặng nguồn cơn,  Nào ai tính thiệt so hơn làm gì?  Nhớ câu kiến ngãi bất vi,  Làm người thế ấy cũng phi anh hùng”.  (Trích *Truyện Lục Vân Tiên* – Nguyễn Đình Chiểu)  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, gợi mở, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét đoạn văn của HS | **Tìm và giải nghĩa ngắn gọn các từ Hán Việt:**  **-** Quân tử: chỉ người nam nhi (những người có tài năng).  - Tiện thiếp: Tiếng tự xưng khiêm nhường của người đàn bà thời xưa.  - Công: công lao  - Kiến: thấy, trông thấy  - Bất: không  - Vi: làm  - Phi: không phải  - Hùng: hùng dũng |

**Tiết 37**

**Đọc mở rộng theo thể loại**

**LỐI SỐNG ĐƠN GIẢN- XU THẾ CỦA THẾ KỶ XXI**

Chương Thâu

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1:GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Em hiểu thế nào về nghĩa của từ “đơn giản”? Theo em, thế nào là sống đơn giản? Để có được cuộc sống đơn giản theo ý nghĩ của em, chúng ta cần làm gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ và trả lời.  GV động viên, khuyến khích HS.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  HS trả lời theo hiểu biết của bản thân  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.  *Trong cuộc sống, mỗi người thường tự chọn cho mình một lối sống phù hợp với mình. Theo Chương Thâu, một trào lưu sống mới ở phương Tây mang đến nhiều ích lợi, đang dần trở thành xu hướng của thế kỉ XXI, đó là sống đơn giản. Vậy lối sống đơn giản mà Chương Thâu nói đến là gì? Có giống với lối sống đơn giản mà chúng ta vẫn thường nghĩ không. Để trả lời những câu hỏi đó, chúng ta cùng đi đọc hiểu bài học ngày hôm nay – “ Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI” (Chương Thâu)* |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1\*** Hướng dẫn HS tìm hiểu mục đích của VB; hệ thống luận điểm, luận đề, lí lẽ và bằng chứng của VB  **Bước 1:GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS đọc VB:  - GV gọi 1 vài HS đọc theo đoạn.  - **Thảo luận theo cặp trong 03 phút- hoàn thành Phiếu học tập 01:**  - Xác định mục đích viết của VB.  - Hoàn thành PHT 01 (Phụ lục): Sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của VB.  - Lí lẽ và bằng chứng được nêu trong đoạn văn 3, 4 có tác dụng như thế nào trong việc làm sáng tỏ luận đề?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời .  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo sản phẩm .  - HS khác nghe, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**      - GV nhận xét mức độ đạt được về kiến thức, kĩ năng của câu trả lời và chốt kiến thức.. | **1. Mục đích của văn bản**  Văn bản được viết ra nhằm thuyết phục người đọc về sự cần thiết của việc có một lối sống đơn giản theo đúng nghĩa =>Mục đích đó được triển khai qua các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.  **2. Hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản**    => Hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng thuyết phục và được sắp xếp theo trình tự hợp lí:  + Hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong đoạn 3 (Luận điểm 1): Lí lẽ và bằng chứng ở đoạn ba cho thấy tác hại của việc thiếu kiềm chế, rơi vào cạm bẫy vật chất mà quên đi việc bồi đắp giá trị tinh thần.  + Hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong đoạn 4 (Luận điểm 2): Lí lẽ và bằng chứng ở đoạn 4 cho thấy nguyên tắc của cuộc sống đơn giản, sống nhàn cho bản thân nhưng không phải lẩn tránh cuộc sống mà sống có ích cho đời.  => Từ đó, các lí lẽ và bằng chứng này làm sáng tỏ luận đề; góp phần khẳng định ý nghĩa của lối sống đơn giản – một xu thế của thế kỉ XXI. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 2:** \*Hướng dẫn HS phân biệt bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **HS thảo luận theo cặp đôi**  Xác định câu văn thể hiện bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong đoạn thứ tư của VB.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá.  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **3. Phân biệt bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.**  - Trong đoạn thứ tư của VB:  + Câu văn thể hiện bằng chứng khách quan: *Ở thời đại nào cũng có những con người biết sống nhàn, nhưng không phải là lẩn tránh cuộc sống thực tế mà là sống một cách có ích cho đời. Có thể kể ra đây rất nhiều danh nhân của đất Việt đã từng có cuộc sống như vậy: Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Hồ Chí Minh,...*  + Câu văn thể hiện ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết: Các câu còn lại. |

|  |  |
| --- | --- |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Hướng dẫn HS luyện tập**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV tổ chức cho HS tham gia cuộc thi “Trường Teen”**  Chủ đề “Lối sống đơn giản”.  Chia lớp thành 2 nhóm, nhóm 1 là nhóm đồng tình với Lối sống đơn giản, nhóm 2 là nhóm không đồng tình. Trong thời gian 5 phút, các thành viên trong nhóm sẽ thảo luận đưa ra những lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc, người nghe đồng tình với ý kiến của nhóm mình. Sau đó, mỗi nhóm cử địa 1 bạn đứng lên tranh luận. Nhóm nào có những lí lẽ, bằng chứng thuyết phục hơn sẽ giành chiến thắng.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HSthực hiện.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **Luyện tập:**  **-** Chủ đề “Lối sống đơn giản”. |

|  |  |
| --- | --- |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Yêu cầu:** Từ VB,em hãy lập một danh sách các thói quen tốt để có một lối sống lành mạnh phù hợp với bản thân em  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS suy nghĩ và làm việc độc lập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **-** GV gọi 1 số HS báo cáo sản phẩm học tập.  - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá | Gợi ý: Một số thói quen tốt để có một lối sống lành mạnh:  - Tập thể dục thường xuyên.  - Ăn nhiều rau xanh, hoa quả  - Uống đủ nước mỗi ngày  - Ngủ đủ giấc mỗi ngày.  - Xây dựng một cuộc sống hài hòa giữa công việc và niềm vui... |

**Tiết 38,39 Viết: VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Câu hỏi 1:** VB nghị luận về một vấn đề đời sống là gì?  **Câu hỏi 2:** HS tích vào (những) đáp án nêu lên yêu cầu của một bài văn nghị luận về một bài văn nghị luận trong đời sống:  a. Nêu được vấn đề cần bàn luận.  b. Trình bày được ý kiến tán thành, phản đối của người viết đối với vấn đề cần bàn luận.  c. Biểu lộ được tình cảm, cảm xúc sâu sắc, chân thành của mình dành cho đối tượng bài viết.  d. Đưa ra lí lẽ rõ ràng, bằng chứng xác thực, đa dạng để làm sáng tỏ cho ý kiến.  e. Trình bày thông tin theo một số kiểu cấu trúc như: trật tự thời gian, mức độ quan trọng của đối tượng, mối quan hệ nhân quả hoặc so sánh, đối chiếu.  f. Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.  g. Cần kết hợp yếu tố tự sự, miêu tả để làm rõ vấn đề.  **Câu hỏi 3:** Nêu bố cục của bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS trả lời câu hỏi.  **Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS chia sẻ suy nghĩ  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.  **\*GV dẫn vào bài** *Như vậy là cô trò chúng ta vừa ôn tập lại một số kiến thức về văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống mà chúng ta đã học ở lớp 7. Trong bài học ngày hôm nay, em sẽ tiếp tục vận dụng những kĩ năng nghị luận đã học để thể hiện ý kiến đồng tình hay phản đối về một vấn đề của đời sống.*  *nhiên?. Cô trò chúng ta cùng tìm hiểu bài Viết VB thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên* | **Câu hỏi 1: - Bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống** thuộc thể nghị luận xã hội. Trong đó, người viết đưa ra ý kiến của mình về một vấn đề gợi ra từ các hiện tượng, sự việc trong đời sống, hoặc một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người.  **Câu hỏi 2:** Đáp án: a, b, d  **Câu hỏi 3: Bố cục của bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống:**  - MB: Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận và thể hiện ý kiến rõ ràng của người viết về vấn đề ấy.  - TB: Giải thích vấn đề cần bàn luận; đưa ra được ít nhất hai lí lẽ cụ thể để lí giải cho ý kiến của người viết; sắp xếp các lí lẽ, dẫn chứng theo trình tự hợp lí; đưa ra được bằng chứng đa dạng, cụ thể, tiêu biểu, xác thực để làm sáng tỏ lí lẽ; xem xét vấn đề từ nhiều phía để nội dung bài viết được toàn diện.  - KB: Khẳng định lại ý kiến và đưa ra bài học nhận thức và phương hướng hành động |

|  |  |
| --- | --- |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **-** GV yêu cầu HS đọc ví dụ bài văn *Hãy yêu mến, bảo vệ thiên nhiên.*  - GV hướng dẫn HS thảo luận các yêu cầu phân tích kiểu văn bản bằng cách trả lời các câu hỏi 1, 2, 3 (tr 71, sgk)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  +HS dự kiến câu trả lời  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  +Đại diện nhóm bàn trả lời câu hỏi  +GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn   1. Sơ đồ thể hiện luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng   Các lí lẽ, bằng chứng tác giả nêu ra trong bài viết có sức thuyết phục cao vì nó là lí lẽ và bằng chứng mang tính tin cậy, được kiểm nghiệm qua thực tế để làm sáng tỏ cho luận điểm.  **Bước 4: Đánh giá, chốt kiến thức**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức, ghi lên bảng**.** | **I. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**  **\* Bước 1: Đọc bài văn *Hãy yêu mến, bảo vệ thiên nhiên***  - Đọc bài văn (tr.70, sgk)  - Xem cách nghị luận về một vấn đề trong đời sống: *yêu mến, bảo vệ thiên nhiên*  **\* Bước 2:** **Nhận xét, phân tích các yêu cầu**  - Vấn đề được bàn luận đến trong bài viết là: *Thiên nhiên là người bạn tốt của con người, con người cần yêu mến, bảo vệ thiên nhiên.*  - Tác giả thể hiện thái độ đồng tình đối với vấn đề đó.   1. Sơ đồ thể hiện luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng   Các lí lẽ, bằng chứng tác giả nêu ra trong bài viết có sức thuyết phục cao vì nó là lí lẽ và bằng chứng mang tính tin cậy, được kiểm nghiệm qua thực tế để làm sáng tỏ cho luận điểm. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn HS lập dàn ý, viết bài.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Đề bài:** Câu lạc bộ Văn học trường em phát động viết bài với đề tài “Con người và thiên nhiên”. Hãy viết một bài văn nghị luận, bày tỏ ý kiến đồng tình hay phản đối về một vấn đề môi trường hoặc thiên nhiên mà em quan tâm và gửi cho ban tổ chức.  **-** HS đọc phần hướng dẫn quy trình viết trong sgk.  - HS thảo luận nhóm và điền thông tin vào PHT: PHT tìm hiểu quy trình viết VB nghị luận về một vấn đề của đời sống.(Phụ lục)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS báo cáo sản phẩm và trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV chốt kiến thức một số điểm cần lưu ý khi làm một bài thơ.  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn. | **II. Hướng dẫn quy trình viết**  **Đề bài:** Câu lạc bộ Văn học trường em phát động viết bài với đề tài “Con người và thiên nhiên”. Hãy viết một bài văn nghị luận, bày tỏ ý kiến đồng tình hay phản đối về một vấn đề môi trường hoặc thiên nhiên mà em quan tâm và gửi cho ban tổ chức.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Quy trình viết** | **Thao tác cần làm** | **Lưu ý** | | **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết** | *Xác định đề tài*  + Hiện tượng đời sống  + Vấn đề về lối sống, tư tưởng  + Những danh ngôn, tục ngữ có ý nghĩa với lối sống của con người | *Đề tài phù hợp với yêu cầu của đề bài* | | *Xác định mục đích viết, người đọc*  *- Mục đích:* Thể hiện ý kiến đồng tình hay phản đối về vấn đề cần bàn luận  *-* Người đọc: thầy/cô và các bạn cùng lớp/trong trường | *...* | | *Thu thập tư liệu*  Tìm các nguồn tư liệu liên quan như bài báo, bài nghiên cứu, sách cùng chủ đề và lập danh mục tư liệu tham khảo | Cần thu thập tư liệu từ các nguồn tài liệu tin cậy, uy tín (chú ý các trang web tin cậy thường có đuôi *.gov, .edu, .org* | | **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý** | *Tìm ý*  Liệt kê các ý kiến đồng tình hay phản đối về đề tài mà em đã chọn dựa vào gợi ý:  - Đồng tình:  + Lí lẽ  + Bằng chứng  - Phản đối:  + Lí lẽ  + Bằng chứng | *...* | | *Lập dàn ý:* Sắp xếp các ý tìm được dựa vào cấu trúc:  - MB: + Nêu vấn đề cần bàn luận.  + Nêu ý kiến đồng tình hay phản đối về vấn đề cần bàn luận  - TB:  + Giải thích từ ngữ, ý kiến cần bàn luận  + Bàn luận:  ++ Trình bày vấn đề cần bàn luận  ++ Trình bày ý kiến đồng tình hay phản đối về vấn đề cần bàn luận  ++ Đưa ra lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm  - KB:  + Khẳng định lại vấn đề.  + Đề xuất giải pháp hoặc nêu bài học | *...* | | **Bước 3: Viết bài** | *Thực hiện viết bài:* Viết bài văn dựa trên dàn ý | Khi viết, cần đảm bảo các yêu cầu đối với kiểu bài | | **Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm** | *Xem lại và chỉnh sửa:* Đọc lại bài viết và chỉnh sửa dựa vào bảng kiểm  (xem bên dưới) | *...* | | *Rút kinh nghiệm:* Ghi lại:  + Ba điều em thích về bài viết và một điều em nghĩ rằng cần làm tốt hơn.  + Những lưu ý về kĩ năng viết bài nghị luận về một vấn đề của đời sống | ***...*** |   - Rút kinh nghiệm: Sửa đổi, bổ sung những ý kiến góp ý từ các bạn và thầy cô |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống*** | | | |
| ***Tiêu chí*** | | ***Đạt*** | ***Chưa đạt*** |
| **Mở bài** | Nêu vấn đề cần bàn luận. |  |  |
| Nêu ý kiến đồng tình hay phản đối. |  |  |
| **Thân bài** | Giải thích được từ ngữ quan trọng và ý nghĩa của ý kiến cần bàn luận (nếu có).. |  |  |
| Trình bày vấn đề cần bàn luận. |  |  |
| Trình bày ý kiến đồng tình hay phản đối về vấn đề cần bàn luận. |  |  |
| Nêu được ít nhất hai lí lẽ một cách thuyết phục để làm rõ luận điểm. |  |  |
| Nêu được bằng chứng đa dạng, cụ thể, phù hợp với luận điểm. |  |  |
| Sắp xếp các lí lẽ, bằng chứng theo một trình tự hợp lí. |  |  |
| **Kết bài** | Khẳng định lại vấn đề. |  |  |
| Đề xuất giải pháp hoặc nêu bài học rút ra từ vấn đề cần bàn |  |  |
| **Trình bày, diễn đạt** | Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. |  |  |
| Diễn đạt chặt chẽ, thuyết phục. |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Hướng dẫn HS thực hành quy trình viết.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV yêu cầu HS: Đề bài:** Câu lạc bộ Văn học trường em phát động viết bài với đề tài “Con người và thiên nhiên”. Hãy viết một bài văn nghị luận, bày tỏ ý kiến đồng tình hay phản đối về một vấn đề môi trường hoặc thiên nhiên mà em quan tâm và gửi cho ban tổ chức.  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**   * GV yêu cầu HS suy nghĩ để lựa chọn nội dung cho bài viết của mình bằng **kĩ thuật công não:**   + HĐ cá nhân: GV hướng dẫn HS xác định mục đích viết, người đọc.  + HĐ nhóm – xác định đề tài: Chia lớp ra làm 3 nhóm, lần lượt mỗi nhóm sẽ tìm những vấn đề đáng quan tâm để viết:  + Phát cho mỗi HS một tờ giấy ghi chú. Trong thời gian 3 phút, mỗi HS ghi lên giấy ghi chú của mình một vấn đề mà mình quan tâm. Sau đó, trong nhóm HS tự thảo luận và chọn một vấn đề hay nhất để bàn luận.  => Mỗi nhóm sẽ chọn 1 đề tài mình ưng ý nhất để tiến hành thu thập tài liệu.  + Tiếp tục HĐ nhóm để thu thập ý kiến đồng tình hay phản đối, thu thập các lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến quả mình (dựa vào lí thuyết về quy trình viết đã tìm hiểu ở trên)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  + HS dự kiến sản phẩm  + GV quan sát  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn.  **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:** GV lưu ý; Bài viết sẽ được đánh giá cao hơn khi bàn về những vấn đề có ý nghĩa với bản thân và xã hội, những vấn đề đang có những ý kiến trái chiều. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  ***ĐỀ BÀI: Em viết một bài văn nghị luận về bạo lực học đường. Em đã tham gia gì về phòng chống bạo lực học đường.(GDDP)***  - GV yêu cầu HS hoàn thành bài văn.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu GV giao.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV yêu cầu HS hoàn thiện bài viết và chuẩn bị nộp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 40** | **TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ I**  **Thời lượng: 1 tiết** |

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Nhắc lại những nội dung đề bài kiểm tra học kỳI môn Ngữ văn mà các em đã làm?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ cá nhân, cá nhân lần lượt trình bày theo trí nhớ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Để đánh giá kết quả của bài làm và giúp các em thấy được ưu nhược điểm của bài làm, hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau ôn tập và đánh giá lại... |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\*Hoạt động 1: *Phân tích đề, nêu yêu cầu***  **Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *- Em hãy đọc lại đề kiểm tra đã thực hiện.*  *- Xác định cấu trúc của đề kiểm tra*  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*  .**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Tìm hiểu đề.  **Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS trả lời, các HS khác chú ý lắng nghe để nhận xét và bổ sung  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Nhận xét câu trả lời của HS  **\*Hoạt động 2. Xây dựng dàn bài**  **Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Em hãy trình bày nội dung trả lời cho từng câu hỏi.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Tìm hiểu câu trả lời cho từng câu hỏi.  **Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS trả lời, các em khác chú ý lắng nghe để nhận xét và bổ sung  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Nhận xét câu trả lời của HS  - HS các nhóm bổ sung.  - GV nhận xét, đánh giá, hình thành dàn bài.  **Hoạt động 3. Sửa sai**  **Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS tự đổi bài nhau để nhận xét, sửa lỗi  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*  .**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Đọc bài và nhận xét, sửa lỗi  **Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày trước lớp.  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - HS các nhóm bổ sung.  - GV nhận xét, đánh giá một số lỗi sai và cách sửa lỗi. | 1. **Đề kiểm tra**   Cấu trúc đề kiểm tra gồm hai phần là “Đọc hiểu” (6 điểm) và “Làm văn” (4 điểm)  **II. Nhận xét:**  \* Một số lỗi sai:  \*Giải đáp thắc mắc của hs |

|  |  |
| --- | --- |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV: Lựa chọn một số bài viết tốt cho HS đọc tham khảo  *- Đọc một số bài văn có cách Mở bài và Kết bài hay.*  - Nhận bài;  - Đọc bài viết được lựa chọn;  - Đọc điểm.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Xem lại bài viết của mình.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày bài viết được lựa chọn trước lớp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, vô điểm cho HS cả lớp. | **Đọc bài viết tốt, trả bài, vô điểm**  - Nhận bài;  - Đọc bài viết được lựa chọn;  - Đọc điểm.  *Hs* tích luỹ kinh nghiệm viết văn hay. |

|  |  |
| --- | --- |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS nhận bài, xem lại bài, trao đổi với bạn để rút kinh nghiệm  -Kiểm tra một số lỗi được sửa trong bài  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS đổi bài và sửa lỗi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày phần sửa lỗi của mình  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV: đưa những lỗi HS còn mắc nhiều đã ghi lại được trong quá trình chấm bài. | \* Trình bày phần sửa lỗi của mình |

**Tiết 41,42 Nói và nghe: TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV chiếu hình ảnh và đặt câu hỏi gợi dẫn:**  Ở lớp 7, các em đã học cách trình bày về một vấn đề đời sống, em hãy:  - Nhắc lại khái niệm thế nào là bài trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống?  - Nhắc lại yêu cầu chung của bài trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS trả lời câu hỏi.  **Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS chia sẻ suy nghĩ  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.  ***GV dẫn vào bài mới:*** *Bài học ngày hôm nay, chúng ta sẽ tiếp tục rèn* *luyện các kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.* | **- Định nghĩa**: *Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống* là trình bày bằng lời nói trước người nghe những ý kiến (nhận xét, đánh giá, bàn luận,…) về một vấn đề trong đời sống.  **- Yêu cầu chung:** Để trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống các em cần:  + Lựa chọn vấn đề thuyết trình.  + Xác định thời lượng thuyết trình và đối tượng người nghe để lựa chọn nội dung và cách trình bày phù hợp.  + Chuẩn bị dàn ý bài thuyết trình và các tư liệu, tranh ảnh, thiết bị hỗ trợ (nếu có).  **+** Sử dụng ngôn ngữ kết hợp nét mặt, ánh mắt, giọng điệu,… phù hợp với nội dung bài thuyết trình. |

|  |  |
| --- | --- |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\*Hướng dẫn các bước thực hiện trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  HS thảo luận theo cặp hoàn thành **PHT 01(Phụ lục):** Nêu các bước và các thao tác cần thực hiện để thực hiện bài nói trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo  câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK)  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS báo cáo sản phẩm và trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá, nhận xét, bổ sung, điều chỉnh dự kiến c ho hợp lý. | **I. Lí thuyết của bài nói trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội**  **\*Các thao tác cần làm để thực hiện bài trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (PHT 01)** |

**\*Dự kiến sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Quy trình** | **Thao tác cần làm** |
| **Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, thời gian và không gian nói** | Để thuyết phục người nghe về ý kiến, quan điểm của mình, em cần trả lời các câu hỏi sau:  - Người nghe là ai? Họ mong muốn thu nhận được gì từ bài nói của em?  - Buổi tọa đàm diễn ra ở đâu? Em có bao nhiêu thời gian để trình bày, bao nhiêu thời gian cho phần trao đổi với người nghe.  - Em sẽ chọn cách trình bày như thế nào cho phù hợp với đối tượng người nghe, địa điểm và thời gian nói? |
| **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý** | Từ nội dung đã trình bày ở phần Viết, tóm tắt hệ thống ý dưới dạng sơ đồ theo trình tự sau:  - Mở đầu: giới thiệu vấn đề sẽ trình bày, nêu rõ ý kiến đồng tình hay phản đối với vấn đề đó.  - Phần chính: giải thích thuật ngữ, khái niệm liên quan đến vấn đề trình bày; khẳng định luận điểm đồng tình hay phản đối của người nói; trình bày lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm.  - Kết thúc: khẳng định lại ý kiến; đề xuất giải pháp hoặc nêu bài học nhận thức và hành động  \* Lưu ý: Để bài nói thêm thuyết phục, hấp dẫn, em cần chuẩn bị các phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu, videoclip, ...) |
| **Bước 3: Luyện tập và trình bày** | Khi trình bày, cần lưu ý:  - Chào người nghe, tự giới thiệu về bản thân (nêu họ tên, học lớp nào, mối quan tâm của em về một số vấn đề trong cuộc sống.  - Lựa chọn từ ngữ phù hợp với văn nói.  - Dự kiến các câu hỏi, phản hồi của người nghe và câu trả lời của em.  - Dự kiến câu hỏi, phản hồi của người nghe và câu trả lời của em. |
| **Bước 4: Trao đổi và đánh giá** | Sử dụng bảng kiểm để tự đánh giá kĩ năng trình bày của bản thân và đánh giá bài trình bày của bạn.  (Bảng kiểm phần Phụ lục) |

|  |  |
| --- | --- |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV tổ chức Hoạt động nhóm**  **GV yêu cầu HS: Đề bài**  + **Tổ 1, 2:** Chuẩn bị vấn đề 1: Tác hại của tệ nạn xã hội, em đã tham gia phòng chống bạo lực học đường như thế nào? (GDQP)  + **Tổ 3, 4:** Chuẩn bị vấn đề 2: Cần cấm sử dụng vật dụng bằng túi ni lông để bảo vệ môi trường  **Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau**:  - Bài nói nhằm mục đích gì?  - Người nghe là ai?  - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày?  - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?  - Em dự định lựa chọn hình thức thuyết trình nào?  **? Hãy tìm ý và lập dàn ý cho bài thuyết trình vấn đề 01.**  (Dựa vào cách tìm ý và lập dàn ý của nội dung Viết đã học tiết trước).  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý cho bài trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.  - Sau khi lập dàn ý xong, HS có thể tập thuyết trình trước bằng cách:  + Đứng trước gương để tập thuyết trình (nếu chuẩn bị ở nhà)    Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt…. cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói**.**  Em có thể  nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau.  + Tập thuyết trình bài nói cho bạn bên cạnh nghe, góp ý lẫn nhau.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Báo cáo sản phẩm (giáo viên gọi ngẫu nhiên mỗi nhóm 1 thành viên)  GV cử 01 HS làm MC dẫn dắt phần thuyết trình của các HS trong lớp và ý kiến nhận xét của các bạn khác.  Một số HS trình bày bài thuyết trình trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào **bảng kiểm đánh giá bài nói** cho bạn **(Phụ lục).**  (GV có thể tổ chức cho HS quay video bài thuyết trình chủ đề được phân công theo tổ và thực hiện chiếu video thuyết trình lên để các bạn theo dõi).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **. Đánh giá, thảo luận**  **\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:   - Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài thuyết trình trước lớp của bạn. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào phiếu đánh giá bài nói của bạn  - HS cả lớp tự đánh giá kĩ năng nói và kĩ năng nghe của bản thân dựa theo bảng gợi ý SGK.  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**  **\* Bước 3:  Báo cáo kết quả và thảo luận**  **\* Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | 🡪 Gợi ý:  **Bước 1. Chuẩn bị**  **-** Vấn đề thuyết trình: Cần cấm sử dụng vật dụng bằng túi ni lông để bảo vệ môi trường  - Mục đích: Bàn luận, bày tỏ ý kiến về vấn đề *cấm sử dụng vật dụng bằng túi ni lông để bảo vệ môi trường.*  - Người nghe: cô (thầy) giáo và các bạn trong lớp.  - Không gian: lớp học  - Thời gian: khoảng 3- 5 phút  - Hình thức thuyết trình:lời nói kết hợp với trình chiếu slide, kết hợp hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu thống kê,.. (nếu có) để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.  - Xác định giọng kể, ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt,… cho phù hợp với nội dung thuyết trình.  **Bước 2. Tìm ý, lập dàn ý**  \***Tìm ý** bằng cách trả lời các câu hỏi:  - Em có đồng tình với ý kiến: Cần cấm sử dụng vật dụng bằng túi ni lông để bảo vệ môi trường  - Tác hại của việc sử dụng túi ni lông đến môi trường? Bằng chứng?  - Nguyên nhân sử dụng túi ni lông và biện pháp khắc phục?  - Có thể rút ra bài học gì từ ý kiến trên?  \***Lập dàn ý** cho bài trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống đã xác định (vấn đề 2):  **Bước 3: Thực hành nói và nghe**  + **Tổ 1, 2:** Chuẩn bị vấn đề 1: Tầm quan trọng của việc bảo vệ rừng  + **Tổ 3, 4:** Chuẩn bị vấn đề 2: Cần cấm sử dụng vật dụng bằng túi ni lông để bảo vệ môi trường  **- Người nói**  + Trình bày bài thuyết trình theo dàn ý đã chuẩn bị.  + Nói rõ ràng, âm lượng phù hợp; tránh đọc bài viết đã chuẩn bị sẵn; sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ đi kèm (điệu bộ, cử chỉ, ánh mắt; hình ảnh, sơ đồ minh hoạ,…); đảm bảo thời gian quy định.  + Đảm bảo sự thống nhất giữa giữa nội dung với hình thức; các phương tiện hỗ trợ thuyết trình phù hợp. Chú ý cách diễn đạt tạo sự hấp dẫn về vấn đề thảo luận,…  + Trả lời các câu hỏi của người nghe (nếu có)  **- Người nghe**  + Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài thuyết trình, những nội dung cần trao đổi thêm.  +Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói.  + Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan niệm cá nhân về nội dung của bài thuyết trình  **III. Đánh giá, thảo luận**  \* **Bảng kiểm đánh giá bài nói của bạn theo tiêu chí.**  **\*Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói của bản thân:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nói** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | **Rút kinh nghiệm về bài thuyết trình** | | | Đã thuyết trình đầy đủ các nội dung chuẩn bị trong dàn ý chưa? |  | | Cách thức thuyết trình, phong thái, giọng điệu, ngôn ngữ… có phù hợp không? |  | | Các phương tiện hỗ trợ có hiệu quả như thế nào? |  | | **Đánh giá chung** | | | Điều em hài lòng về bài thuyết trình của mình là gì? |  | | Điều gì em mong muốn thay đổi trong bài thuyết trình đó? |  |   \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | **Kiểm tra kết quả nghe** | | | Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa? |  | | Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức trình bày về một vấn đề trong đời sống của bạn? |  | | **Rút kinh nghiệm về thái độ nghe** | | | Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa? |  | | Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không? |  | |

|  |  |
| --- | --- |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS dùng bảng kiểm để tự kiểm tra, điều chỉnh bài nghe của bản thân.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, trình bày những gì đã học được từ quá nghe của bản thân và những gì học hỏi được từ bạn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 HS lên kiểm phiếu để nêu bài tóm tắt được bình chọn là đạt nhất của lớp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS |  |

Tiết 43  **ÔN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi: ***Sau khi học xong chủ đề 3, em đã được cung cấp thêm kiến thức liên quan đến nội dung gì?***  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời  - GV quan sát, lắng nghe  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày trải nghiệm cá nhân  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **NV1:** Hướng dẫn học sinh tóm tắt luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của ba văn bản nghị luận đã học  **Bước 1:GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Em hãy t**óm tắt luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của ba văn bản nghị luận đã học bằng cách hoàn thành bảng.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm .   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Luận đề** | **Luận điểm** | **Lí lẽ và bằng chứng** | | Bức thư của thủ lĩnh da đỏ | Sống hòa hợp và bảo vệ mảnh đất nơi đây | - Luận điểm 1: Những điều thiêng liêng trong kí ức của người da đỏ  - Luận điểm 2: Những lo lắng của người da đỏ nếu bán đất cho người da trắng.  - Luận điểm 3: Kiến nghị của người da đỏ | Luận điểm 1:  + Mảnh đất là người mẹ, bông hoa là người chị, người em.  + Dòng nước là máu của tổ tiên.  + Tiếng thì thầm của dòng nước là tiếng nói của cha ông.  Luận điểm 2:  + Họ sẽ lấy đi trong lòng đất những gì họ cần.  + Lòng thèm khát của họ sẽ ngấu nghiến đất đai.  + Họ chẳng để ý đến bầu không khí mà họ hít thở.  Luận điểm 3:  + Phải biết quý trọng đất đai.  + Hãy khuyên bảo chúng đất là mẹ. | | Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu | Cảm nhận về thiên nhiên và hồn người lúc sang thu | - Cảm nhận của tác trong khổ thơ thứ nhất và thứ 2: Bức tranh thiên nhiên mùa thu được miêu tả bằng khứu giác, thị giác, xúc giác.  - Cảm nhận của tác giả về suy nghĩ, chiêm nghiệm của nhà thơ qua khổ thơ thứ 3. | + Không phải là những nét đặc trưng của trời mây hay sắc vàng của hoa cúc mà bắt đầu là hương ổi – một chữ “phả” đủ gợi hương thơm sánh lại.  + Cảm nhận được “hương ổi”, đã nhận ra “gió se”, mắt lại nhìn thấy sương đang “chùng chình qua ngõ”.  + Thiên nhiên được quan sát rộng lớn hơn, nhiều tầng bậc hơn “sông dềnh dàng” và “chim vội vã”.  + Cảm nhận, suy ngẫm về tâm trạng của tác giả khi nhìn cảnh vật trong những ngày đầu thu qua hình ảnh nắng, mưa, sấm.  + Cảm nhận và trả lời cho những chiêm nghiệm và sự từng trải của tác giả qua hình ảnh “Hàng cây đứng tuổi”: hình ảnh gợi cho người đọc nhiều liên tưởng như một đời người trưởng thành rồi già cỗi đi. | | Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI | Sống đơn giản | - Sống đơn giản là gì?  - Lợi ích của việc sống đơn giản | + Sống đơn giản không đồng nghĩa với sống khổ hạnh và nghèo đói, mà là cuộc sống được lựa chọn sau quá trình nghiên cứu kĩ lưỡng.  - Giúp chúng ta kiềm chế lòng tham, cân nhắc kĩ lưỡng các yêu cầu của bản thân.  + Một căn nhà rộng rãi sẽ đem lại sự dễ chịu cho người ở….  - Biến mình trở thành một con người nhàn nhã, bình yên và không hao phí thời gian vào những việc vô bổ.  + Lối sống này được ông cha ta coi trọng từ thời xa xưa. |   - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét quá trình tương tác, của học sinh | | **NV2:** Hướng dẫn HS xác định căn cứ vào đâu để phân biệt bằng chứng khách quan với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản nghị luận? Luận điểm, lí lẽ và bằng chứng có vai trò gì trong việc thể hiện luận đề?  **THẢO LUẬN NHÓM:**  **Bước 1:GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Hs chia sẻ trong nhóm 4-6 hs về những ghi chép trả lời*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, gợi mở, hỗ trợ  - Hs suy nghĩ, thảo luận, bổ sung, phản biện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - Có thể phân biệt hai khái niệm này dựa vào bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | **Bằng chứng khách quan** | **Ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết** | | Là các thông tin khách quan như: số liệu, thời gian, nơi chốn, con người và sự kiện… | Là các ý kiến chủ quan như: quan điểm cá nhân về một vấn đề đang tranh cãi, dự đoán về tương lai, đánh giá chủ quan về sự việc, hiện tượng; có thể có được diễn đạt bằng các cụm từ như: tôi cho rằng, tôi thấy… hoặc các tính từ thể hiện sự đánh giá chủ quan. | | Dựa trên những thí nghiệm, nghiên cứu, có nguồn đáng tin cậy, có thể xác định đúng, sai dựa vào thực tế. | Dựa trên cảm nhận, cách nhìn, diễn giải của cá nhân; không có cơ sở để kiểm chứng. |   GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét quá trình tương tác, thảo luận nhóm của học sinh | | **HS thảo luận theo cặp đôi**  **\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  **HS** thực hiện theo yêu cầu.  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  **\*Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** | | **NV3:** Ôn tập về các văn bản thuyết minh và chia sẻ kinh nghiệm về cách nắm bắt nội dung chính trong quá trình thảo luận nhóm và trình bày lại nội dung thảo luận  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Chia lớp thành 4 nhóm và thực hiện yêu cầu:  **+ Nhóm 1,2**: Thảo luận các câu hỏi 5.  + **Nhóm 3, 4**: Thảo luận các câu hỏi 6  - Các nhóm về nhà hoàn thiện sản phẩm câu 7  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  **-**Hs tiến hành suy nghĩ, thảo luận.  **Bước 3: HS báo cáo sản phẩm, thảo luận.**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  **Bước 4: Đánh giá sản phẩm bằng điểm. GV chốt kiến thức** | | **I. ÔN TẬP**  **Câu 1:** Tóm tắt luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của ba văn bản nghị luận đã học bằng cách hoàn thành bảng sau   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Luận đề** | **Luận điểm** | **Lí lẽ và bằng chứng** | | Bức thư của thủ lĩnh da đỏ |  |  |  | | Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu |  |  |  | | Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI |  |  |  |   **Câu 2:**Căn cứ vào đâu để phân biệt  bằng chứng khách quan với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản nghị luận?( SGK/ 56)  **Câu 3:**Luận điểm, lí lẽ và bằng chứng có vai trò gì trong việc thể hiện luận đề?  Luận điểm, lí lẽ và bằng chứng giúp làm sáng rõ luận đề. Mỗi lí lẽ, dẫn chứng giúp cho luận để trở nên dễ hiểu, dễ hình dung và thuyết phục người đọc, người nghe hơn.  **Câu 4:**  Liệt kê ít nhất mười từ có chứa các yếu tố Hán Việt đã học trong bài và giải thích ý nghĩa của chúng.   |  |  | | --- | --- | | **Từ có các yếu tố Hán Việt** | **Giải thích ý nghĩa** | | dân gian | ở trong dân | | trí tuệ | sự hiểu biết và kiến thức sâu rộng | | sứ giả | người được coi là đại diện tiêu biểu cho nhân dân | | bình dân | con người bình thường | | bất công | không công bằng | | hoàn mĩ | đẹp đẽ hoàn toàn | | triết lí | nguyên lí, đạo lí về vũ trụ và nhân sinh | | bất hạnh | không may gặp phải điều rủi ro, đau khổ | | nguy kịch | hết sức nguy hiểm, đe dọa nghiêm trọng đến  sự sống còn | | hạnh phúc | một trạng thái cảm xúc vui vẻ của người |   **Câu 5:**Trình bày những kĩ năng viết để tăng sức thuyết phục cho bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.  Những kĩ năng viết để tăng sức thuyết phục cho bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống là:  - Hiểu rõ những gì mình viết  - Quản lí được nội dung và bố cục bài viết.  - Bám sát luận đề  - Lập luận cần đưa ra đủ lí lẽ, bằng chứng thuyết phục  **Câu 6 :**Ghi lại những kinh nghiệm em thu nhận được sau khi thực hiện bài thuyết trình cho buổi tọa đàm “Con người và thiên nhiên”.  Những kinh nghiệm em thu nhận được sau khi thực hiện bài thuyết trình cho buổi tọa đàm “Con người và thiên nhiên”.  - Luôn tự tin, trình bày quan điểm cá nhân.  - Lắng nghe, tiếp thu ý kiến từ mọi người xung quanh.  - Yêu thiên nhiên con người, sống hòa hợp với thiên và con người. |

|  |  |
| --- | --- |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Gv sử dụng kĩ thuật trình bày một phút để hs trả lời câu hỏi (Trình bày dưới dạng đoạn văn)*  *- HS thực hiện nhiệm vụ*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, gợi mở, hỗ trợ  - Hs suy nghĩ, viết đoạn văn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở ***Bài 3***  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở ***Bài 3***  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, chốt nội dung bài học. | **II. Luyện tập**  **Câu 6:**Viết đoạn văn có sử dụng từ Hán- Việt( Chủ đề tự chọn) |

**IV.HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**1.chủ đề vừa học**

- Nhận diện và xác định được luận đề và luận điểm trong văn nghị luận

- Nhận biết và xác định được những bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận.

- Xác định được bố cục của văn bản.

- Nhận diện và phân tích được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản.

- Xác định và phân tích được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.

**2.chủ đề sắp học**

**Bài 4: SẮC THÁI CỦA TIẾNG CƯỜI**

* **Tìm hiểu nghĩa tường minh. Nghĩa hàm ẩn**
* **Tìm hiểu cách viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội**